

Số: 67/2025/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 609; 611; 612; 613; 649 và Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2025, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 2449/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”.

XÉT THẤY:

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1954

Địa chỉ: số nhà H đường K, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Bùi Thúy M, sinh năm 1957

Địa chỉ: số nhà A đường K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Bùi Minh Đ, sinh năm 1959

Địa chỉ: số nhà A đường K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Bùi Thúy A, sinh năm 1962

Địa chỉ: số nhà H đường K, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Bùi Kiến T, sinh năm 1965

Địa chỉ: số nhà H đường K, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Bùi Kim H, sinh năm 1968

Địa chỉ: số nhà A đường K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Đỗ Thành N, sinh năm 1983

Địa chỉ: số nhà H đường K, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Đỗ Thị Hồng N1, sinh năm 1988

Địa chỉ: số nhà H đường K, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Xác định hàng thừa kế của ông Bùi Văn M1, bà Nguyễn Thị C (Nguyễn Thị H1) gồm: bà Nguyễn Kim Y, bà Nguyễn Ngọc L, ông Bùi Minh Đ, bà Bùi Thúy M, bà Bùi Thúy A, ông Bùi Kiên T và bà Bùi Kim H.

Hàng thừa kế của bà Nguyễn Kim Y gồm: ông Đỗ Thành N, bà Đỗ Thị Hồng N1.

Công nhận di sản của ông Bùi Văn M1, bà Nguyễn Thị C (Nguyễn Thị H1) gồm quyền sử dụng đất ở có diện tích 78,5 m² và quyền sở hữu nhà ở có diện tích 54,3 m² thuộc thửa đất số 515, tờ bản đồ số 41 tại địa chỉ 803/19 đường K, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ C đường K, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh), theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 3377/2009/GCN do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 31/7/2009, trị giá 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng.

Công nhận Văn bản từ chối nhận di sản số công chứng 190 ngày 04/01/2024; Văn bản từ chối nhận di sản số công chứng 192 ngày 04/01/2024 và Văn bản từ chối nhận di sản, số công chứng 193 ngày 04/01/2024 của Phòng Công chứng số 3 Thành phố H có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Ngọc L được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ di sản của ông Bùi Văn M1, bà Nguyễn Thị C (Nguyễn Thị H1).

Bà Bùi Thúy M có trách nhiệm bàn giao cho bà Nguyễn Ngọc L nhà, đất tại địa chỉ 8 đường K, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 3377/2009/GCN ngày 31/7/2009.

Bà Nguyễn Ngọc L được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc L phải chịu 41.000.000 (bốn mươi một triệu) đồng án phí. Tuy nhiên do bà L thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn đề nghị được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nên được xét miễn nộp tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12; điểm b Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV2 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Cao Thị Hiền Lữ